

Số: /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số
.../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngàytháng....năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Bộ Tài chính;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng
dẫn thi hành Nghị định số .../2016 /NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước.*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số .../2016 /NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu ngân sách nhà nước; quy trình, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi ngân sách; cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; cơ chế quản lý vốn vay nợ, viện trợ; các khoản thu, chi của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; quản lý ngân sách cấp xã; công khai

ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao; các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách trung ương

1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước;
- d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, lãi được chia nước chủ nhà, tiền cho thuê mặt nước, các khoản thuế, phí và thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;
- g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập trung ương và doanh nghiệp nhà nước trung ương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật. Phần được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật không thuộc phạm vi thu, chi ngân sách;
- h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu; không kể lệ phí môn bài quy định tại điểm g và lệ phí trước bạ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kê cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của trung ương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc trung ương quản lý;

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách trung ương được hưởng theo quy định của pháp luật;

o) Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của trung ương;

p) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;

r) Thu kết dư ngân sách trung ương;

s) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;

t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

c) Thuế thu nhập cá nhân;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này. Đối với thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu sản xuất trong nước, việc xác định số thu phát sinh căn cứ vào sản lượng do doanh nghiệp đầu mối bán ra trên thị trường và tỷ trọng tổng sản lượng xăng dầu sản xuất trong nước và tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu. Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn riêng quy định cụ thể nội dung này.

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương trong các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi dự trữ quốc gia.

3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp quản lý trực tiếp trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; bao gồm các trường phổ thông dân tộc nội trú; đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;

c) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động sự nghiệp y tế khác;

d) Sự nghiệp văn hoá thông tin; bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao; bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế, gồm:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của trung ương;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp: bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; công tác khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc biên giới, cắm mốc biên giới; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;

- Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước thực hiện;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

l) Hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; hoạt động của cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc Trung ương quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định số.../2016/NĐ - CP ngày...tháng...năm 2016 của Chính phủ;

n) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách và hoạt động cứu trợ xã hội theo quy định của pháp luật; các chính sách và hoạt động chăm sóc người có công với cách mạng. Thực hiện chế độ đối với người về hưu, mất sức lao động, trợ cấp khác cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội ngân sách trung ương bảo đảm; hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ; chi phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.
4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của Chính phủ.
5. Chi viện trợ.
6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.
7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.
8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.
9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách địa phương

1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:
- a) Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- d) Tiền sử dụng đất, không kể tiền sử dụng đất quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều này và điểm k khoản 1 Điều 3 của Thông tư này;
- đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
- g) Lệ phí môn bài;
- h) Lệ phí trước bạ;
- i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đại diện chủ sở hữu;
- l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;
- m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;

n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật. Phần được khấu trừ, trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật không thuộc phạm vi thu, chi ngân sách;

o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

s) Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;

t) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

u) Tiền đền bù thiệt hại đất;

v) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

y) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

x) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;

aa) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

ab) Thu kết dư ngân sách địa phương;

ac) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại điểm 2 Điều 3 của Thông tư này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do địa phương quản lý cho các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

c) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

đ) Sự nghiệp y tế, bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác, dân số và kế hoạch hoá gia đình;

d) Sự nghiệp văn hoá thông tin; bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao; bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoán nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản; do đặc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

m) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

n) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định tại Điều 11 Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2016 của Chính phủ;

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 7. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp trong năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

2. Tỷ lệ này được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia và được xác định riêng cho từng tỉnh.

3. Việc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phần ngân sách địa phương được xác định như sau:

a) Tổng số chi ngân sách địa phương được xác định theo định mức phân bổ ngân sách nhà nước do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định (bao gồm định mức phân bổ chi đầu tư phát triển và định mức phân bổ chi thường

xuyên) cho năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách (sau đây được gọi tắt là A);

b) Tổng số các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% được xác định trên cơ sở khả năng thu, không kể thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất, số bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu kết dư, thu từ đóng góp tự nguyện, thu viện trợ, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước (sau đây gọi tắt là B);

c) Tổng số các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở khả năng thu (sau đây gọi tắt là C);

d) Trường hợp nếu $A - B < C$ thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ phần trăm (\%)} = \frac{A - B}{C} \times 100\%$$

d) Trường hợp nếu $A - B \geq C$ thì tỷ lệ phần trăm (%) được xác định bằng 100% và phần chênh lệch sẽ được ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương. Việc xác định mức bổ sung cân đối cho từng địa phương được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

4. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

a) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

- Các khoản thu về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác ngân sách địa phương hưởng 100% theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

- Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và ngân sách từng xã, phường, thị trấn. Việc quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố

trực thuộc trung ương và ngân sách từng xã, phường, thị trấn có thể cho từng khoản thu cụ thể.

Điều 8. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới bao gồm

1. Bổ sung cân đối thu, chi ngân sách nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối nguồn ngân sách để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao.

a) Số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo công thức:

$$\text{Mức bổ sung cân đối} = A - (B + C)$$

b) Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương được xác định theo nguyên tắc xác định số chênh lệch giữa số chi và nguồn thu ngân sách các cấp dưới, gồm thu 100% và phần được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương;

c) Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

2. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;

b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu, chương trình, dự án khác của cấp trên, phân giao cho cấp dưới thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;

c) Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới; sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng, một phần quỹ dự trữ tài chính của địa phương nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

d) Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, công trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nằm trong quy hoạch và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng, ngân sách cấp dưới đã bố trí chi nhưng chưa đủ nguồn, mức hỗ trợ theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt;

đ) Số bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hằng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung theo mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định, trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu phải hoàn trả ngân sách cấp trên.

Điều 9. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Việc phân cấp các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 18 Nghị định số .../2016/NĐ - CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ và các yêu cầu sau:

a) Gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó;

b) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ;

c) Bảo đảm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia quy định của cấp trên về từng khoản thu được phân chia.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân cấp chi đầu tư xây dựng cơ bản cho cấp dưới cho phù hợp. Đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương phải được phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị; trên cơ sở phân cấp, xác định nhiệm vụ chi xây dựng cơ bản cụ thể cho cấp dưới.

3. Việc phân cấp chi thường xuyên giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 18 Nghị định số .../2016/NĐ - CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ, đồng thời phải:

a) Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư của từng vùng và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính hiệu quả;

b) Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng khoa học và công nghệ, không thực hiện nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền được ổn định 5 năm. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi được phân cấp, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên, chế độ thu, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các yêu cầu về phát triển kinh tế xã hội cụ thể của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp dự toán thu, chi ngân sách và chủ động quản lý, điều hành dự toán thu, chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 10. Vay và trả nợ của ngân sách cấp tỉnh

1. Ngân sách cấp tỉnh được phép bội chi để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Mức bội chi của ngân sách cấp tỉnh hàng năm do Quốc hội quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Vay và trả nợ của ngân sách cấp tỉnh được thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nhu cầu vốn đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án vay, phương án sử dụng bội chi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; nội dung phương án phải nêu rõ:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc nguồn ngân sách cấp tỉnh bảo đảm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Dự án đầu tư đề nghị vay vốn thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân quyết định;

- Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư đề nghị vay vốn.

- Tổng số vốn vay và dự kiến nguồn bảo đảm trả nợ của ngân sách cấp tỉnh;

- Hình thức vay vốn; khối lượng vay; lãi suất vay và phương án trả nợ khi đến hạn;

- Dự nợ vốn vay tại thời điểm trình phương án và dự nợ sau khi phương án vay được duyệt bảo đảm không vượt mức dự nợ vay của ngân sách địa phương quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số.../2016/NĐ - CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ;

- Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm hiện hành và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo;

- Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án vay bù đắp bội chi;

b) Sau khi phương án vay vốn được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với thời gian xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Việc vay vốn của địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Bội chi ngân sách địa phương, nguồn bù đắp bội chi và mức dự nợ vay của ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 5 Nghị định số .../2016/NĐ - CP ngày...tháng ... năm 2016 của Chính phủ.

CHƯƠNG III

LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM

Điều 11. Hướng dẫn lập dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách nhà nước

1. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển năm sau và số kiểm tra dự toán vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hướng dẫn về yêu cầu, nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương căn cứ yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của bộ, cơ quan, thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp khi thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới bảo đảm số thu không thấp hơn số kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền thông báo về thu ngân sách nhà nước, số chi phải phù hợp với số kiểm tra về tổng mức và cơ cấu.

3. Trước ngày 1 tháng 6 năm hiện hành, Bộ Tài chính thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách năm sau cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nội dung số kiểm tra gồm:

a) Tổng mức và từng khoản thu, chi ngân sách dự trữ quốc gia, từng lĩnh vực chi ngân sách thường xuyên năm sau đến từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương;

b) Tổng mức kinh phí sự nghiệp và chi tiết theo từng lĩnh vực chi năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu;

c) Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi cân đối ngân sách địa phương và chi tiết một số lĩnh vực thu, chi quan trọng đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Trước ngày 1 tháng 6 năm hiện hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số kiểm tra dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách năm sau cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nội dung số kiểm tra gồm:

a) Tổng số chi đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm sau chi tiết theo từng lĩnh vực chi đến từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương; tổng số chi đầu tư ngân sách địa phương (bao gồm cả chi cân đối ngân sách địa phương và chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) và một số lĩnh vực chi đầu tư phát triển quan trọng đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Tổng mức vốn đầu tư phát triển và chi tiết theo từng lĩnh vực chi năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

Điều 12. Căn cứ lập dự toán ngân sách

1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh; đối ngoại; bình đẳng giới; mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể năm kế hoạch gắn với

đặc điểm hoạt động, điều kiện kinh tế - xã hội và tự nhiên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

2. Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách nhà nước; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các văn bản này thì phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và ban hành trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên).

a) Đối với thu ngân sách nhà nước, việc lập dự toán phải căn cứ vào các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu như quy mô tổng sản phẩm quốc nội, tổng sản phẩm địa phương theo giá hiện hành, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tính tổng sản phẩm, chỉ số giá tiêu dùng, quy mô vốn đầu tư xã hội, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu và các chỉ tiêu liên quan khác; các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách;

b) Đối với chi đầu tư phát triển, việc lập dự toán phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các chương trình, dự án đầu tư có đủ các điều kiện bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, quy định quản lý vốn đầu tư và xây dựng; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển của ngân sách do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, Kế hoạch Tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán; ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư phát triển theo các mục tiêu quản lý đầu tư công cụ thể trong từng giai đoạn của các cơ quan có thẩm quyền, bố trí vốn phù hợp với tiến độ triển khai của các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đang thực hiện;

c) Đối với chi thường xuyên, việc lập dự toán phải tuân theo các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trong đó:

- Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương: căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, ban hành định mức phân bổ chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, bảo đảm đúng về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực.

- Đối với các địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và ngân sách từng cấp chính quyền địa phương.

- Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách, việc lập dự toán căn cứ vào các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Đối với các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ;

d) Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được lập căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Dự toán chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền vay và chi trả nợ gốc được lập trên cơ sở các cam kết trả nợ gốc, trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền vay đến hạn của năm dự toán ngân sách theo đúng nghĩa vụ trả nợ;

e) Dự toán vay nợ của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh (vay bù đắp bội chi ngân sách và vay trả nợ gốc) phải căn cứ vào cân đối ngân sách trung ương, cân đối ngân sách cấp tỉnh, nghĩa vụ trả nợ đến hạn, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Quốc hội.

3. Những quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp quản lý ngân sách.

4. Đối với dự toán ngân sách từng cấp chính quyền địa phương, việc lập dự toán ngân sách phải căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên; đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách phải căn cứ vào chế độ phân cấp ngân sách, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ và khả năng thu, chi ngân sách của từng địa phương.

5. Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách nhà nước; thông

tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc xây dựng kế hoạch kinh tế-xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm sau; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lập dự toán ngân sách ở các cấp địa phương.

6. Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

7. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm hiện hành và một số năm liền kề.

8. Số kiểm tra về dự toán ngân sách do cơ quan có thẩm quyền thông báo.

Điều 13. Yêu cầu đối với lập dự toán ngân sách

1. Dự toán ngân sách nhà nước và dự toán ngân sách địa phương phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu giữa chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi dự phòng ngân sách. Đối với chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên phải chi tiết theo các lĩnh vực chi theo quy định tại Điều 36 và Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Dự toán ngân sách của từng cấp chính quyền địa phương, của đơn vị dự toán các cấp phải lập theo đúng yêu cầu, nội dung, biểu mẫu và thời hạn quy định tại Thông tư này và thông tư hướng dẫn lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính.

3. Dự toán ngân sách phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

4. Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Dự toán ngân sách các cấp phải bảo đảm cân đối theo nguyên tắc sau:

a) Đối với dự toán ngân sách nhà nước: tổng số thu thuế, phí và lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao để chi đầu tư phát triển; số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi ngân sách;

b) Đối với dự toán ngân sách cấp tỉnh: ngân sách cấp tỉnh được bội chi và bội chi ngân sách cấp tỉnh chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết

định, theo quy định tại Điều... Nghị định số .../2016/NĐ - CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ;

c) Đối với dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã phải cân bằng thu, chi ngân sách.

Điều 14. Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

2. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền cho thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, thì phải lập riêng phần kinh phí này cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Việc lập dự toán cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải căn cứ yêu cầu về kết quả, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian hoàn thành cụ thể cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm; định mức kỹ thuật kinh tế, chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương, cùng loại.

3. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc, chi tiết chi thường xuyên và chi đầu tư của từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo từng lĩnh vực chi gửi đơn vị dự toán cấp I.

4. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.

5. Các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý chi tiết chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) trước ngày 20 tháng 7; phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách trung ương chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

6. Các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý chi tiết chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi, gửi cơ quan tài chính, cơ quan đầu tư cùng cấp, cơ quan quản lý chương trình

mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu cùng cấp (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu); phối hợp với cơ quan tài chính lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách của ngân sách cấp mình chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

Thời gian gửi báo cáo của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Căn cứ vào đặc điểm của đơn vị và quy định về thời gian gửi dự toán ngân sách nêu trên, đơn vị dự toán cấp I quy định thời gian lập và gửi báo cáo đối với các đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp;

7. Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; xây dựng phương án phân bổ cấp mình cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chi tiết kinh phí sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển đối với từng chương trình, theo từng lĩnh vực chi, gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trình cấp có thẩm quyền quyết định; ở trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 7 năm hiện hành để tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ. Trường hợp ý kiến của cơ quan quản lý chương trình chưa thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thì cơ quan quản lý chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

8. Các đơn vị dự toán cấp trên khi xem xét báo cáo dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc để tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý cần yêu cầu các đơn vị trực thuộc sửa đổi lại dự toán trong các trường hợp: lập dự toán không đúng căn cứ về định mức, chế độ, quy mô và khối lượng nhiệm vụ được giao, vượt quá khả năng cân đối ngân sách, lập dự toán ngân sách không đúng biểu mẫu quy định.

9. Dự toán thu, chi ngân sách được lập phải đáp ứng đúng yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

Điều 15. Lập dự toán ngân sách nhà nước tại các cơ quan thu ngân sách

1. Cục Thuế:

a) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Hướng dẫn cơ quan thuế trực thuộc lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính và cơ quan kế

hoạch và đầu tư cùng cấp, bảo đảm yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương.

2. Cục Hải quan lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu, các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý và theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Tổng cục Hải quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Cơ quan tài chính và các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thu ngân sách nhà nước từ các khoản phí, lệ phí phải lập dự toán thu các khoản thu phí, lệ phí được giao gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Tổng cục Thuế:

a) Hướng dẫn cơ quan thuế trực thuộc lập dự toán thu ngân sách nhà nước thuộc phạm vi được giao quản lý;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu quản lý;

c) Xem xét dự toán thu, dự kiến số thu được miễn, giảm, gia hạn, số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ do cơ quan thuế trực thuộc lập, tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước và cơ sở tính toán từng nguồn thu, tổng hợp dự kiến số miễn, giảm, gia hạn, số thuế giá trị gia tăng phải hoàn cho các doanh nghiệp trong cả nước báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm hiện hành.

5. Tổng cục Hải quan xem xét dự toán thu do các cơ quan hải quan trực thuộc lập, tổng hợp dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môi trường, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý và theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm hiện hành.

Điều 16. Lập dự toán ngân sách địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị thuộc tỉnh, dự toán thu do cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập (nếu có), dự toán thu, chi ngân sách của các huyện; tổng hợp và lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương (gồm dự toán ngân sách huyện, xã và dự toán ngân sách cấp tỉnh) chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách và dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chi tiết kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi; số chi trả nợ gốc; tổng mức vay, bao gồm vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội

chi, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến.

2. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan Trung ương quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) chậm nhất vào ngày 20 tháng 7 năm hiện hành.

Điều 17. Lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan liên quan, xem xét dự toán thu, chi ngân sách do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu do các cơ quan quản lý chương trình báo cáo; tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo cơ cấu chi đầu tư phát triển (chi tiết theo từng lĩnh vực chi), chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi thường xuyên (chi tiết theo từng lĩnh vực chi), chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách; bội chi ngân sách nhà nước (chi tiết bội chi ngân sách trung ương, bội chi, tổng mức vay của ngân sách địa phương chi tiết theo từng địa phương) và dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chi tiết kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển của từng chương trình theo từng lĩnh vực chi; lập phương án phân bổ ngân sách trung ương chi tiết chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách và chi tiết tới từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương trình Chính phủ.

2. Theo phân công của Chính phủ và thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ báo cáo và giải trình về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định tại Quy chế lập thẩm tra trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành.

Điều 18. Lập kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu - chi tài chính quỹ và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân

sách nhà nước (nếu có), gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để đưa vào danh mục tài liệu xây dựng dự toán của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

2. Cơ quan dự toán cấp I tổng hợp riêng kế hoạch thu - chi tài chính và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ (nếu có) của các quỹ tài chính ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp cùng với tài liệu dự toán ngân sách hàng năm theo quy định tại Điều 47 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 13 Nghị định số.../2016/NĐ - CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ.

3. Việc lập kế hoạch thu - chi tài chính của quỹ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của quỹ; các chính sách, chế độ, định mức thu, chi tài chính hiện hành áp dụng đối với hoạt động của quỹ. Dự kiến nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số.../2016/NĐ - CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ và trong phạm vi tổng mức, lộ trình hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách, phương án phân bổ dự toán ngân sách

1. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; phối hợp và chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan (nếu có) ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự kiến số phải hoàn thuế giá trị gia tăng theo chế độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn theo chế độ quy định;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương chi tiết chi thường xuyên và chi đầu tư theo từng lĩnh vực chi, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách; bội chi và tổng mức vay của ngân sách địa phương, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính nhà nước cấp trên;

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cấp trên giao, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình chi tiết chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi, chi trả nợ lãi, tổng mức vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương, dự phòng ngân sách và chi tiết tới từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình; báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên trực tiếp dự toán ngân sách địa phương và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

d) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, dự toán thu, chi và mức bổ sung ngân sách cho cấp dưới;

đ) Lập phương án điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trong trường hợp nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp không phù hợp với dự toán thu, chi ngân sách cấp trên giao;

e) Yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết.

2. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư tổ chức thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tổ chức thảo luận với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định dự toán thu, chi ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới. Đối với các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính cấp trên chỉ tổ chức thảo luận với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp khi có đề nghị.

Trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Trường hợp còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới, thì cơ quan tài chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách cấp mình báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để báo cáo hoặc trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trong việc lập dự toán chi đầu tư phát triển và phương án phân bổ ngân sách chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp mình theo quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Bộ Tài chính thẩm định chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đối với phần chi sự nghiệp do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu lập và tổng hợp dự toán, phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi, trình Chính phủ;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách;

e) Bộ Tài chính kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong trường hợp cần thiết đề nghị theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại dự toán ngân sách địa phương. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới, trong trường hợp cần thiết đề nghị theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách.

3. Cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư phát triển làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán ngân sách;

b) Cơ quan kế hoạch và đầu tư phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp mình; chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán chi đầu tư phát triển, gồm tổng mức, chi đầu tư các chương trình, dự án (chi tiết đối với từng lĩnh vực chi); chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính cấp mình và chi đầu tư phát triển khác; lập phương án phân bổ chi đầu tư phát triển cấp mình chi tiết theo từng lĩnh vực chi, chi đầu tư phát triển của từng cơ quan, đơn vị cấp mình theo từng lĩnh vực chi; ở trung ương, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm hiện hành để tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo quy định tại điều ... Nghị định... /2016/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2016 của Chính phủ;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đối với phần chi đầu tư phát triển do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu lập; tổng hợp dự toán và phương án phân bổ chi

chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chi tiết theo từng lĩnh vực chi, dự toán cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo từng chương trình và theo lĩnh vực chi gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm hiện hành.

4. Cơ quan nhà nước trung ương và địa phương:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách;

b) Các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương tổ chức lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý chi tiết chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; lập dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chi tiết kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực chi gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình theo từng lĩnh vực chi;

c) Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư lập dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu cho các đơn vị, địa phương chi tiết kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển đối với từng chương trình, theo từng lĩnh vực chi gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 20. Quyết định, giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Sau khi dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bội chi ngân sách và nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, hạn mức vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của từng địa phương, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực chi; nhiệm vụ thu, chi, bội chi và hạn mức vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối ngân

sách (nếu có), số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho từng địa phương trước ngày 20 tháng 11 năm hiện hành;

b) Hướng dẫn nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 25 tháng 11 năm hiện hành.

2. Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ thu, chi, bội chi và mức vay, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối ngân sách (nếu có), số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho từng địa phương; Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương; dự toán thu, chi, bội chi và hạn mức vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách tỉnh và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực chi; số bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trước ngày 10 tháng 12 năm hiện hành; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách địa phương và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; dự toán thu, chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương; số bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nhận được quyết định giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp trên; Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình theo từng lĩnh vực chi chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm hiện hành.

3. Sau khi nhận được dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao; các đơn vị dự toán phải tổ chức phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm hiện hành.

4. Chậm nhất 5 ngày sau khi Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách hoặc dự toán ngân sách điều chỉnh, Ủy ban nhân dân có trách

nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch cấp trên trực tiếp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 21. Mẫu biểu lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan thu lập dự toán thu theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan Bảo hiểm xã hội, cơ quan Lao động - Thương binh và xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, chi trợ cấp xã hội theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán chi đầu tư phát triển theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này.

5. Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ về quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và tại phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này.

6. Bộ Tài chính lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy chế lập, thẩm tra, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG IV CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 22. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới theo đúng quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ.

Đối với các bộ, tổng cục được tổ chức theo ngành dọc, chưa có điều kiện phân bổ và giao dự toán trực tiếp đến các đơn vị sử dụng ngân sách, thì phân bổ đến đơn vị dự toán dưới cấp I trực tiếp và ủy quyền cho đơn vị

này phân bổ, giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. Các bộ, tổng cục phải tổng hợp và chịu trách nhiệm toàn bộ về dự toán ngân sách đã phân bổ và giao cho đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Khi phân bổ dự toán ngân sách được giao, đơn vị dự toán cấp I phải phân bổ hết dự toán được giao.

Đối với dự toán ngân sách được giao theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 44 Luật Ngân sách nhà nước, sau ngày 31 tháng 12 năm trước, đơn vị dự toán cấp I chưa phân bổ xong, thì phải báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp để xem xét, quyết định việc cho phép kéo dài thời gian phân bổ dự toán. Thời gian phân bổ, giao dự toán kéo dài chậm nhất đến ngày 31 tháng 1; trường hợp do nguyên nhân khách quan, vượt quá thẩm quyền của đơn vị (như: chưa có phê duyệt của cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy, cơ chế thực hiện nhiệm vụ), thì chậm nhất không quá ngày 31 tháng 3; quá thời hạn này, cơ quan tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán chi của đơn vị để bổ sung vào dự phòng ngân sách theo quy định của Chính phủ.

3. Đơn vị dự toán cấp I giao dự toán cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc, đồng gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp (theo các mẫu 1a, 1b, 1c tại mục I phụ lục 6 kèm theo Thông tư này) và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi thông qua đơn vị sử dụng ngân sách bản chi tiết đối với đơn vị) để thực hiện.

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các tài liệu thuyết minh dự toán gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương.

4. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách, theo các nội dung sau:

a) Tính chính xác, khớp đúng cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi giữa số phân bổ, giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I với dự toán do cấp có thẩm quyền giao;

b) Bảo đảm đúng chính sách, chế độ quy định. Trường hợp phát hiện việc giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao; không đúng chính sách, chế độ quy định, thì trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán đã giao. Thời gian đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh chậm nhất trong phạm vi 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đối với các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương) và Ủy ban nhân dân (đối với các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương) để xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ ý kiến quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân thì đơn vị chỉ được phép chi trong phạm vi số phân bổ đã được cơ quan tài chính thống nhất.

Điều 23. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã được giao

1. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách trong quá trình chấp hành ngân sách thực hiện theo quy định tại các Điều 52 và Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước và các khoản 2 và khoản 3 Điều 37 Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2016 của Chính phủ.

2. Quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp, gồm: căn cứ, nội dung nhiệm vụ, kinh phí điều chỉnh của từng nhiệm vụ theo từng lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Trường hợp, phát hiện việc điều chỉnh dự toán không đúng yêu cầu về phân bổ và giao dự toán theo quy định, trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán cho phù hợp.

Điều 24. Tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. Tổ chức thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 33 Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính có quy định riêng về tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu, viện trợ không hoàn lại vào Kho bạc Nhà nước.

Điều 25. Quản lý các khoản thu và vay bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước

1. Các khoản thu và vay của ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được tập trung quản lý vào quỹ ngoại tệ ở trung ương.

2. Khi phát sinh số thu bằng ngoại tệ, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu vào quỹ ngoại tệ, đồng thời quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định để hạch toán thu ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Đối với các khoản vay bằng ngoại tệ, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu vào quỹ ngoại tệ, đồng thời thực hiện hạch toán vay của ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư này.

3. Ngân sách các cấp ở địa phương không được thành lập quỹ ngoại tệ riêng. Toàn bộ số thu và vay của ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ phát sinh tại Kho bạc Nhà nước ở địa phương phải tập trung về quỹ ngoại tệ ở trung ương theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 26. Quản lý, hạch toán vay của ngân sách nhà nước

1. Các khoản vay của ngân sách nhà nước được quản lý, kế toán trên tài khoản của ngân sách các cấp tương ứng.

Đối với các khoản vay bằng ngoại tệ, được hạch toán kế toán vay của ngân sách nhà nước theo nguyên tệ, đồng thời quy đổi ra tiền đồng Việt Nam để hạch toán theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định. Định kỳ vào đầu tháng, Kho bạc Nhà nước thực hiện điều chỉnh lại số dư nợ bằng tiền đồng Việt Nam trên các tài khoản phải trả của các cấp ngân sách theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định; đồng thời, số phát sinh chênh lệch tăng, giảm (nếu có) tương ứng do đánh giá lại dư nợ được hạch toán, theo dõi riêng trên tài khoản chênh lệch tỷ giá (không hạch toán vào thu, chi ngân sách) để đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách theo đúng tỷ giá đã hạch toán ngân sách tại thời điểm phát sinh khoản vay. Cuối năm, Kho bạc nhà nước xử lý hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Các khoản chênh lệch giá bán trái phiếu so với mệnh giá và các khoản chiết khấu và chênh lệch mệnh giá của trái phiếu bị hoán đổi và trái phiếu được hoán đổi được kế toán theo dõi trên tài khoản riêng; cuối năm, trường hợp có chênh lệch giá bán lớn hơn mệnh giá, thì hạch toán vào thu của ngân sách, trường hợp nhỏ hơn được hạch toán vào chi của ngân sách.

Điều 27. Tổ chức chi ngân sách nhà nước

1. Tổ chức chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 56 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 35 Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2016 của Chính phủ.

2. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách không chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác theo quy định, cơ quan tài chính yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách, trừ các khoản chi: tiền lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội, học bổng; chi nghiệp vụ phí và công vụ phí và một số khoản chi cần thiết khác để đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước (trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa); chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới; chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

Điều 28. Chi ngân sách theo hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước

1. Thực hiện chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi:

a) Chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các đơn vị được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật;

b) Chi trợ giá cho các báo, tạp chí đã được giao trong dự toán của các Bộ, cơ quan Trung ương;

c) Chi viện trợ đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia;

d) Chi xúc tiến thương mại quốc gia;

đ) Chi đặt hàng sản xuất phim tài liệu và khoa học, phim hoạt hình, phim truyện điện ảnh theo chính sách của Nhà nước;

e) Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

2. Chi bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút tối đa hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, nhưng tổng mức rút cả quý I tối đa không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Đối với bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương, căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp dưới, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định mức rút dự toán hàng tháng của ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút dự toán căn cứ tiến độ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, tối đa bằng dự toán được giao cho chương trình, nhiệm vụ. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về việc rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; trường hợp rút dự toán nhưng không sử dụng hết hoặc sử dụng không đúng mục tiêu thì phải hoàn trả ngân sách trung ương trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày rút dự toán.

Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương, căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm

vụ, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định việc rút dự toán của ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế ở địa phương.

4. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng sau Kho bạc Nhà nước tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước. Trường hợp phát hiện các địa phương rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước địa phương có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp biết, đồng thời tạm dừng cho rút dự toán chi bổ sung cân đối, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp dưới.

5. Quy trình chi, hồ sơ, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính có quy định riêng.

Điều 29. Chi ngân sách theo hình thức lệnh chi tiền

1. Thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ:

a) Chi chuyển vốn để cho vay theo chính sách xã hội của Nhà nước và các chương trình, dự án khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chi chuyển kinh phí cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam để chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội;

c) Chi góp vốn cổ phần, đóng niên liễm cho các tổ chức tài chính quốc tế (trừ các khoản đã giao trong dự toán của các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước);

d) Chi cấp vốn điều lệ và chi hỗ trợ cho các tổ chức tài chính Nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng đầu tư nhà nước và chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách;

e) Chi xúc tiến đầu tư quốc gia;

g) Chi hỗ trợ các doanh nghiệp công ích, quốc phòng;

h) Chi bổ sung dự trữ quốc gia và chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

i) Chi chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo (phần kinh phí giao cho các Bộ, ngành thực hiện);

k) Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt và các nhiệm vụ chi khác được cấp bằng hình thức lệnh chi tiền của cơ quan công an, quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- l) Chi đảm bảo hoạt động đối với cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam;
- m) Chi trả nợ vay của ngân sách nhà nước (trừ các khoản trả thanh toán gốc, lãi, phí phát hành, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ);
- m) Chi viện trợ đột xuất của Nhà nước cho nước ngoài;
- n) Chi hỗ trợ các địa phương khác và chi hỗ trợ các cơ quan, đơn vị của cấp trên theo quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.
- o) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;
- p) Các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách theo chế độ.

2. Quy trình chi bằng lệnh chi tiền thực hiện như sau:

a) Căn cứ dự toán ngân sách được giao; các hồ sơ, chứng từ theo chế độ quy định và yêu cầu chi của các đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính xem xét, kiểm tra, nếu đủ các điều kiện chi theo quy định tại Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước thì trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chi của đơn vị, ra lệnh chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng ngân sách;

b) Trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc cấp tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng ngân sách. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp, thì chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền, Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho cơ quan tài chính biết để xử lý.

Điều 30. Quy định cụ thể đối với một số khoản chi ngân sách có tính chất đặc thù

1. Chi cho vay của ngân sách nhà nước:

a) Cơ quan tài chính chi bằng lệnh chi tiền để chuyển vốn cho cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc chuyển trực tiếp theo hợp đồng cho tổ chức được vay trong trường hợp cho vay trực tiếp;

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc cơ quan tài chính trong trường hợp cho vay trực tiếp có trách nhiệm quản lý, cho vay, thu hồi nợ gốc, lãi nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

2. Về chi trả nợ của ngân sách trung ương:

a) Chi trả nợ của ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 36 Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ.

Trường hợp nhu cầu chi trả nợ vượt tổng dự toán chi trả nợ của ngân sách trung ương được duyệt cả năm, Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Đối với thanh toán các khoản gốc, lãi, phí phát hành, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ để thanh toán, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi (đối với các khoản trả lãi, phí) của ngân sách trung ương theo quy định.

Đối với những khoản nợ trong nước khác do Bộ Tài chính trực tiếp vay và theo dõi, quản lý nợ, thực hiện chi trả bằng lệnh chi tiền. Căn cứ lệnh chi tiền của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ để thanh toán, chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi (đối với các khoản trả lãi, phí) của ngân sách trung ương theo quy định;

c) Đối với chi trả nợ ngoài nước, căn cứ yêu cầu thanh toán, trước ngày đến hạn trả nợ 07 ngày làm việc (trừ những trường hợp phải chờ thông báo của chủ nợ mới xác định được số phải thanh toán, chi trả), Bộ Tài chính lập lệnh chi, kèm theo lịch trả nợ và các tài liệu có liên quan (nếu có) gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ thanh toán, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi (đối với các khoản trả lãi, phí) của ngân sách trung ương theo quy định.

3. Đối với quy định chi tiết và hướng dẫn quy trình, thủ tục thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; thanh toán, chi trả bằng ngoại tệ; chi từ nguồn vốn vay, viện trợ ngoài nước thực hiện theo phương thức ghi thu, ghi chi ngân sách, Bộ Tài chính có quy định riêng.

Điều 31. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước

1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm được giao và phương án điều hành ngân sách quý, cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước xây dựng kế hoạch điều hành ngân quỹ theo quy định về chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước để đảm bảo thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước.

2. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho cơ quan tài chính mức tồn quỹ ngân sách. Trường hợp quỹ ngân sách thiếu hụt tạm thời, cơ quan tài chính thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2016 của Chính phủ.

Điều 32. Thương vượt dự toán thu ngân sách nhà nước

1. Thương vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

a) Nguyên tắc xét thưởng:

- Tổng thu ngân sách trung ương tăng so với dự toán Quốc hội quyết định;

- Tỷ lệ thưởng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách trung ương được hưởng, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước. Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu;

- Chỉ xét thưởng đối với số thu vượt dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, phần ngân sách trung ương được hưởng sau khi loại trừ số thu thực hiện ở các địa bàn khác nhưng hạch toán thu tại địa phương xét thưởng và các khoản thu đã được cấp có thẩm quyền quyết định dùng để chi cho các mục tiêu xác định.

Ví dụ 1:

Tại tỉnh A, số thu (ngân sách trung ương) từ các khoản thu phân chia thực hiện năm trước là 500 tỷ đồng. Năm nay, dự toán thu ngân sách trung ương được giao là 550 tỷ đồng, tỷ lệ thưởng trên số thu vượt dự toán giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 30%, kết quả thực hiện đạt 600 tỷ đồng. Mức thưởng cho tỉnh A xác định như sau:

Số thưởng theo tỷ lệ : $(600 \text{ tỷ đồng} - 550 \text{ tỷ đồng}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

Số tăng thu so với năm trước: $600 \text{ tỷ đồng} - 500 \text{ tỷ đồng} = 100 \text{ tỷ đồng}$.

Do số tăng thu so năm trước lớn hơn số tăng thu theo dự toán, nên mức thưởng thu vượt dự toán tối đa cho tỉnh A là 15 tỷ đồng.

Ví dụ 2:

Vẫn tại tỉnh A nêu trên, nếu kết quả thực hiện năm trước là 590 tỷ đồng; dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện 600 tỷ đồng.

Số thưởng theo tỷ lệ: $(600 \text{ tỷ đồng} - 550 \text{ tỷ đồng}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

Số thưởng vượt thu so với năm trước: $600 \text{ tỷ đồng} - 590 \text{ tỷ đồng} = 10 \text{ tỷ đồng}$.

Số được thưởng tối đa chỉ bằng mức tăng thu so năm trước là 10 tỷ đồng.

Ví dụ 3:

Vẫn tại tỉnh A nêu trên, nếu kết quả thực hiện năm trước là 610 tỷ đồng, dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện là 600 tỷ đồng.

Số thưởng theo tỷ lệ: $(600 \text{ tỷ đồng} - 550 \text{ tỷ đồng}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

Số tăng thu so năm trước: $600 \text{ tỷ đồng} - 610 \text{ tỷ đồng} = - 10 \text{ tỷ đồng}$.

Địa phương không được thưởng vì số thu không tăng so thực hiện năm trước.

b) Căn cứ kết quả thu nộp ngân sách đến thời điểm 31 tháng 12, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổng hợp số thực nộp ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định, lập báo cáo có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tỉnh, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 1 năm sau làm cơ sở xét thưởng. Quá thời hạn trên, Bộ Tài chính sẽ không xem xét, xử lý thưởng vượt thu cho các địa phương;

c) Bộ Tài chính tổng hợp, lập phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương trình Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước;

d) Các địa phương sử dụng tiền thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 8 Điều 37 Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2016 của Chính phủ.

2. Việc thưởng vượt dự toán thu các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 37 Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng .. năm 2016 của Chính phủ.

Điều 33. Chế độ báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Việc báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước và khoản 1, khoản 2 Điều 42 Nghị định số ... /2016/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2016 của Chính phủ.

2. Thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo:

a) Cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp định kỳ 15 ngày và hàng tháng báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo biểu số 4 mục II quy định tại phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị dự toán cấp I định kỳ hàng quý báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu số 05 mục II quy định tại phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng tháng báo cáo Bộ Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo biểu số 06, 07 và biểu số 08 mục II quy định tại phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này;

d) Bộ Tài chính định kỳ hàng tháng báo cáo Chính phủ về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo biểu số 01, 02 và biểu số 03 mục II quy định tại phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuyển quyết toán ngân sách địa phương;

e) Thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy chế lập, thẩm tra, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;

g) Bộ Tài chính có quy định riêng về thời hạn và mẫu biểu Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; thời hạn và mẫu biểu Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại các khoản 4 và khoản 6 Điều 60 Luật Ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG V

KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 34. Yêu cầu đối với kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước

1. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước phải thực hiện quy định tại Điều 13 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu, trình tự báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 45 Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2016 của Chính phủ.

3. Hết kỳ kế toán năm, các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp chính quyền phải thực hiện công tác khoá sổ kế toán. Việc khoá sổ cuối năm thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số ... /2016/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2016 của Chính phủ và các nội dung sau:

a) Rà soát các khoản phải nộp ngân sách, nộp các khoản phải nộp nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chưa kịp làm thủ tục nộp vào năm ngân sách hiện hành mà chuyển nộp vào ngân sách năm sau thì hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau;

b) Rà soát dự toán còn lại chưa chi, số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước, dư tạm ứng và tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị để chủ động chi tiêu, thanh toán tạm ứng trong năm.

4. Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan thu cùng cấp thực hiện đối chiếu số thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn và số thu, chi ngân sách các cấp thuộc phạm vi quản lý đảm bảo khớp đúng cả về tổng số và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước trước khi lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp thực hiện đối chiếu các khoản thu, chi ngân sách nhà nước từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 và các khoản được hạch toán vào năm ngân sách trong thời gian chỉnh lý quyết toán bảo đảm các khoản thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng Mục lục ngân sách nhà nước.

6. Quyết toán chi ngân sách đối với các chương trình, đề tài, dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng:

a) Trường hợp chương trình, đề tài, dự án được quản lý theo cơ chế chi thường xuyên thì quyết toán theo chế độ quy định về chi thường xuyên;

b) Trường hợp chương trình, đề tài, dự án được quản lý theo vốn đầu tư xây dựng cơ bản thì quyết toán theo chế độ quy định về chi đầu tư xây dựng cơ bản;

c) Số kinh phí đã quyết toán theo niên độ ngân sách hàng năm được theo dõi riêng và lũy kế hàng năm làm cơ sở quyết toán chương trình, đề tài, dự án khi hoàn thành theo quy định.

Điều 35. Xử lý ngân sách nhà nước cuối năm

1. Việc xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách:

a) Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (kể cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản) đối với các nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12;

b) Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 12.

Trường hợp đã có khối lượng, công việc thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12, thì thời hạn chi ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau; thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng) theo chế

độ quy định đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 01 năm sau.

3. Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách đến hết ngày 31 tháng 12 được xử lý như sau:

a) Số dư tài khoản tiền gửi của các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; các đơn vị khác có quy định được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và quyết toán vào ngân sách năm trước.

Trường hợp hết ngày 31 tháng 01 năm sau, tài khoản tiền gửi của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản này, còn dư và cần sử dụng tiếp cho năm sau, thì chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và chi tiết theo Loại, Khoản, Mục, Tiểu mục số tiền còn dư theo mẫu số 01/ĐVDT quy định tại phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này để làm căn cứ hạch toán chuyển số dư sang năm sau. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán giảm chi (nếu đã hạch toán chi) hoặc hạch toán giảm tạm ứng (nếu đã hạch toán tạm ứng) ngân sách năm trước, tăng số đã cấp ngân sách năm sau; đồng thời thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tài khoản tiền gửi được chuyển sang ngân sách năm sau) sang dự toán ngân sách năm sau.

Kho bạc Nhà nước lập báo cáo chi tiết theo đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng, hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định;

b) Số dư tài khoản tiền gửi quy định tại điểm a khoản này không sử dụng tiếp và số dư tài khoản tiền gửi của các cơ quan, đơn vị khác (nếu có) phải nộp lại ngân sách nhà nước. Đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 2 năm sau để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách;

c) Số dư tài khoản tiền gửi của ngân sách cấp xã (nếu có) được chuyển sang ngân sách năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

4. Hết ngày 31 tháng 01 năm sau, dự toán ngân sách giao cho đơn vị, dự án, công trình chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết (gọi là số dư dự toán) bị huỷ bỏ; trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Điều 44 Nghị định số ... /2016/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2016 của Chính phủ. Việc chuyển số dư dự toán được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp thực hiện như sau:

a) Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách đối chiếu số dư dự toán với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo mẫu số 02/ĐVDT quy định tại phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ thời hạn được chi, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra đối chiếu dự toán đã sử dụng, số chưa sử dụng, xác nhận cho đơn vị. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch có trách nhiệm thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định;

c) Kho bạc Nhà nước lập báo cáo số dư dự toán được chuyển sang ngân sách năm sau của đơn vị dự toán cấp I chi tiết theo từng nhiệm vụ của từng đơn vị sử dụng ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng, hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

5. Hết ngày 31 tháng 12 năm ngân sách, các khoản tạm ứng (gồm cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản) trong dự toán theo chế độ, nếu chưa thanh toán thì được tiếp tục thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán và hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm trước. Đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) có trách nhiệm thanh toán số tạm ứng với Kho bạc Nhà nước trước khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách. Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị thanh toán tạm ứng kinh phí theo thời hạn quy định. Sau thời gian chỉnh lý quyết toán, số tạm ứng còn lại (gọi là số dư tạm ứng) được xử lý như sau:

a) Số dư tạm ứng được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định mà chưa thu hồi, được chuyển sang ngân sách năm sau thanh toán, cơ quan tài chính không phải xét chuyển. Trình tự thực hiện như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) đối chiếu số dư tạm ứng với Kho bạc Nhà nước giao dịch theo mẫu số 02/ĐVDT quy định tại phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Căn cứ thời hạn được thanh toán, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra đối chiếu dư tạm ứng chưa thanh toán, xác nhận cho đơn vị. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư tạm ứng, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hạch toán giảm tạm ứng ngân sách năm trước, tăng tạm ứng ngân sách năm sau; đồng thời thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (trương ứng với số dư tạm ứng) sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định.

- Kho bạc Nhà nước lập báo cáo chi tiết theo đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng, hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định;

b) Số dư tạm ứng còn lại không được chuyển nguồn sang năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải nộp lại ngân sách trước ngày 10 tháng 02 năm sau. Sau ngày 10 tháng 02 năm sau nếu chưa nộp, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thu hồi bằng cách: chuyển số tạm ứng trên sang tạm ứng năm sau trong phạm vi dự toán được giao năm sau có cùng nội dung với khoản thu hồi. Dự toán năm sau không giao hoặc giao thấp hơn số phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý.

Các khoản tạm ứng phải thu hồi (kể cả khoản đã chi ngân sách) mà chưa thu hồi được, thì hạch toán vào tài khoản phải thu để theo dõi báo cáo tình hình phải thu hồi; khi thu hồi, hạch toán giảm số phải thu, không hạch toán vào thu ngân sách nhà nước.

6. Cơ quan tài chính thực hiện chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau và quyết toán chi theo niên độ ngân sách:

a) Số chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau chi tiếp cho các nội dung được chuyển nguồn theo quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều này;

b) Khoản tăng thu, tiết kiệm chi đã có phương án sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Căn cứ các nhiệm vụ và tổng số kinh phí được chuyển sang ngân sách năm sau theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan tài chính (Ủy ban nhân dân cấp xã đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để Kho bạc Nhà nước hạch toán thu, chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau theo quy định.

Điều 36. Ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước

1. Các khoản thu ngân sách nhà nước phải hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước thì phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định; các đơn vị dự toán cấp I gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất trước ngày 25 tháng 01 năm sau, mà không chờ báo cáo cùng với quyết toán ngân sách nhà nước; cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 01 năm sau. Số ghi chi vào ngân sách nhà nước là số đã thực chi theo chế độ quy định; số ghi thu vào ngân sách nhà nước phải tương ứng với số ghi chi. Số thu chưa ghi thu vào ngân sách nhà nước, được tiếp tục theo dõi quản lý để ghi thu vào ngân sách nhà nước khi đơn vị đã thực chi theo chế độ quy định.

2. Vốn vay nợ, viện trợ ngoài nước trực tiếp cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định; cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi và gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 01 năm sau. Trường hợp bổ sung cho ngân sách cấp dưới thì cơ quan tài chính phải hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất hết ngày 15 tháng 01 năm sau đối với ngân sách trung ương, ngày 20 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh, ngày 25 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp huyện.

Cơ quan tài chính khi làm thủ tục ghi thu, ghi chi phải kèm theo thông tri duyệt y dự toán, bảng kê số tiền theo từng đơn vị sử dụng, từng dự án công trình, theo Chương, Khoản và Tiểu mục theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước gửi cho đơn vị dự toán cấp I trực thuộc hoặc cơ quan tài chính cấp dưới (trong trường hợp bổ sung cho ngân sách cấp dưới) và Kho bạc Nhà nước cùng cấp để thực hiện hạch toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời vào ngân sách theo đúng chế độ quy định.

3. Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

Điều 37. Xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước

a) Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới, thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp dưới. Trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt quyết toán, đơn vị dự toán cấp dưới phải thực hiện xong những yêu cầu trong thông báo xét duyệt quyết toán. Trường hợp đơn vị dự toán cấp dưới có ý kiến không thống nhất với thông báo duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên thì phải có văn bản gửi đơn vị dự toán cấp trên nữa để xem xét và quyết định. Trường hợp đơn vị dự toán cấp dưới có ý kiến không thống nhất với thông báo duyệt quyết toán của thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I thì phải có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp với đơn vị dự toán cấp I để xem xét và quyết định. Trong khi chờ ý kiến quyết định của cấp có thẩm quyền thì đơn vị dự toán cấp dưới phải chấp hành theo thông báo duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên;

b) Đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm (gồm báo

cáo quyết toán của đơn vị mình và báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc), gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Đối với đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương, Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán năm trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán; đối với đơn vị dự toán thuộc ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian thẩm định quyết toán cụ thể, nhưng phải đảm bảo thời gian quyết toán theo quy định của Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước. Trong phạm vi 10 ngày kể từ khi đơn vị dự toán cấp I nhận được thông báo nhận xét quyết toán năm của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I phải thực hiện xong những yêu cầu trong thông báo nhận xét quyết toán của cơ quan tài chính.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp I có ý kiến không thống nhất với thông báo nhận xét quyết toán của cơ quan tài chính thì phải trình Ủy ban nhân dân cùng cấp (nếu là đơn vị dự toán thuộc cấp chính quyền địa phương) hoặc trình Thủ tướng Chính phủ (nếu là đơn vị dự toán thuộc trung ương) để xem xét và quyết định. Trong khi chờ ý kiến quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp và Thủ tướng Chính phủ thì mọi quyết định của cơ quan tài chính phải được thi hành.

2. Xử lý sai phạm được phát hiện trong quá trình xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước:

a) Khi duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, nếu phát hiện các khoản chi sai chế độ hoặc không đủ điều kiện quyết toán, thì xử lý hoặc kiến nghị xử lý như sau: Nếu chi sai thì phải thu hồi đủ cho ngân sách; nếu chưa đủ điều kiện quyết toán thì phải hoàn chỉnh thủ tục quyết toán theo quy định;

b) Các đơn vị dự toán, các địa phương được thanh tra, kiểm toán phải xử lý và báo cáo kết quả xử lý các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước gửi đơn vị dự toán cấp trên, cơ quan tài chính cấp trên. Các kiến nghị, kết luận của thanh tra, Kiểm toán Nhà nước gửi đến sau ngày 15 tháng 11 năm sau đối với quyết toán ngân sách nhà nước năm trước, thì hạch toán vào năm ngân sách tại thời điểm xử lý theo chế độ quy định;

c) Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo Biểu số 12 Phụ lục số 7; cơ quan tài chính cấp dưới tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cấp trên theo Biểu số 12 Phụ lục số 7 quy định tại Thông tư này;

d) Trong quá trình thẩm định, tổng hợp quyết toán ngân sách cấp dưới phát hiện sai sót, sai phạm, cơ quan tài chính cấp trên xử lý và có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp dưới để báo cáo Hội đồng nhân dân

cùng cấp điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 38. Xử lý kết dư ngân sách từng cấp

1. Kết dư ngân sách từng cấp là số chênh lệch lớn hơn giữa tổng số thu ngân sách so với tổng số chi ngân sách từng cấp sau khi kết thúc năm ngân sách và đã xử lý chuyển nguồn theo quy định tại Thông tư này.

2. Kết dư ngân sách được xử lý như sau:

a) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau;

b) Kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách xã được chuyển toàn bộ vào thu ngân sách năm sau.

3. Căn cứ nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của Quốc hội, Hội đồng nhân dân để xử lý kết dư ngân sách (nếu có) theo quy định Luật Ngân sách nhà nước. Cơ quan tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với ngân sách cấp xã có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm thủ tục hạch toán chuyển vào quỹ dự trữ tài chính, chuyển vào thu ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

Điều 39. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán công tác kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước

1. Cơ quan tài chính, cơ quan thu ngân sách, cơ quan Kho bạc Nhà nước, đơn vị dự toán các cấp theo chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ thu nộp ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp. Trong quá trình kiểm tra kế toán, xét duyệt và thẩm định quyết toán, nếu phát hiện các khoản thu của các tổ chức, cá nhân đã nộp ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải hoàn trả từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức cá nhân và hạch toán giảm thu ngân sách. Những khoản chi không đúng chế độ quy định của pháp luật phải thu hồi và hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước. Trường hợp quyết toán ngân sách được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn, thì hạch toán chi ngân sách (đối với khoản phải hoàn trả) hoặc thu ngân sách (đối với khoản phải thu hồi) vào ngân sách năm xử lý.

2. Việc kiểm toán, thanh tra quyết toán năm của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Thanh tra nhà nước và Luật Ngân sách nhà nước. Khi nhận được kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét xử lý theo quy định của pháp luật trước khi Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và thông báo cho cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra, kiểm tra.

Điều 40. Mẫu biểu quyết toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp lập, gửi báo cáo quyết toán theo quy định về chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và Phụ lục số 7 đính kèm Thông tư này.

2. Chủ đầu thực hiện lập, gửi báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án, chi phí thực hiện dự án theo quy định của Bộ Tài chính và Phụ lục số 7 đính kèm Thông tư này.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương gửi quyết toán về Bộ Tài chính 02 bản (trong đó gửi về Kho bạc Nhà nước 01 bản); đồng thời gửi Kiểm toán Nhà nước 01 bản quyết toán (bằng văn bản). Đối với báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước, gửi bằng files dữ liệu điện tử định dạng excel về địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu gửi file dữ liệu điện tử.

Riêng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi 01 bản quyết toán bằng văn bản về Bộ Tài chính.

4. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập báo cáo thuyết minh quyết toán và báo cáo thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương hàng năm theo biểu mẫu quy định tại Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng...năm 2016 của Chính phủ về quy chế lập, trình, quyết định ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 7 kèm theo Thông tư này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh duyệt gửi về Bộ Tài chính 02 bản (trong đó 01 bản về Kho bạc Nhà nước), đồng gửi Kiểm toán Nhà nước; đồng thời gửi files dữ liệu điện tử về Bộ Tài chính theo địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu gửi file dữ liệu điện tử. Báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính gửi bằng file dữ liệu điện tử.

5. Thời hạn gửi quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước của Chính phủ. Quá thời hạn trên, các đơn vị dự toán cấp I và ngân sách cấp dưới trực thuộc không gửi quyết toán năm đúng thời gian quy định, sẽ bị tạm đình chỉ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư này.

6. Cùng với việc báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước hiện hành, quy định về báo cáo chi vốn đầu tư phát triển của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình sử dụng kinh phí và kết quả xử lý các loại số dư theo các biểu đính kèm Thông tư này. Thời hạn Kho bạc Nhà nước gửi các báo cáo trước ngày 15 tháng 3 năm sau (đối với ngân sách cấp xã, ngân sách cấp huyện), trước ngày 01 tháng 4 năm sau (đối với ngân sách cấp tỉnh, ngân sách trung ương).

7. Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đến cơ quan tài chính cấp trên theo thời hạn quy định tại Điều 69 và 70 Luật Ngân sách nhà nước. Sau khi Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán, trong phạm vi 05 ngày, cơ quan tài chính gửi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách, tổng hợp vào quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quyết toán được Hội đồng nhân dân phê chuẩn có thay đổi so với quyết toán của Ủy ban nhân dân đã gửi, cơ quan tài chính phải trình Ủy ban nhân dân ký, gửi báo cáo bổ sung phần có thay đổi so với báo cáo đã gửi cơ quan tài chính cấp trên.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày

18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN (.....b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Huỳnh Quang Hải